

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Học viện Tài chính**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-KĐCLGDTL ngày 25/02/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Học viện Tài chính;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 18 ngày 15/3/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Học viện Tài chính. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Học viện Tài chính đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Học viện Tài chính sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 43 tiêu chí (chiếm 86%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Học viện Tài chính cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Học viện Tài chính theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Học viện Tài chính;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Phí Thị Nguyệt Thanh

Phụ lục I
Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Quản lý kinh tế
trình độ thạc sĩ của Học viện Tài chính
(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐKĐCLGD ngày 25/3/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6				
Tiêu chí 6.1	4	4,00	7	100
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 7.1	4	3,80	4	80
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	3			
Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 8.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 9.1	4	3,80	4	80
Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 10.1	4	3,83	5	83,33
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 11.1	4	4,20	5	100
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	5			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,88	43	86

Phụ lục II
Kiến nghị cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Quản lý kinh tế
trình độ thạc sĩ của Học viện Tài chính
 (Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐKĐCLGD ngày 25/3/2025
 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Quản lý kinh tế (QLKT) trình độ thạc sĩ của Học viện Tài chính (HVTC), giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo quy định và cơ bản phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học theo Luật Giáo dục Đại học, Sứ mạng, Tầm nhìn của Học viện. Chuẩn đầu ra của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh cập nhật năm 2022, năm 2024; chuẩn đầu ra CTĐT xác định cụ thể các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm. Chuẩn đầu ra 2024: Thể hiện cơ bản các nội dung về khối kiến thức đại cương và chuyên ngành. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được mô tả rõ trong CTĐT và công khai trên website của Trường và Khoa;

2. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin cơ bản về CTĐT, được ban hành theo quyết định của Giám đốc Học viện, có sự tham gia của các bên liên quan trong xây dựng, rà soát, điều chỉnh và cập nhật. đề cương chi tiết học phần trong CTĐT đáp ứng nội dung cơ bản và có sự thống nhất theo mẫu quy định chung. CTĐT, Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần được công khai trên hệ thống thông tin nội bộ của Học viện, được học viên tiếp cận qua một số hình thức (website, giảng viên phổ biến tại buổi học đầu tiên của học phần...); có tài liệu hướng dẫn người học liên quan đề cương học phần;

3. Chương trình dạy học đáp ứng khối lượng học tập theo quy định, gồm các khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở, kiến thức ngành, đồ án tốt nghiệp; chương trình dạy học có bố trí học phần bắt buộc và tự chọn, có cấu trúc, trình tự rõ ràng; nội dung cập nhật và có tính tích hợp, có sự logic giữa các khối kiến thức; các học phần cơ bản có sự tương thích về nội dung; được phân bổ khá hợp lý, được rà soát, điều chỉnh định kỳ theo CTĐT, có tham khảo một số CTĐT trong và ngoài nước; lấy ý kiến một số bên liên quan;

4. Triết lý giáo dục của Học viện được xác định là “Công dân toàn cầu trong thế giới thay đổi” và được xác định rõ ràng trong các chiến lược, nghị quyết; được tuyên bố chính thức; phổ biến đến cán bộ, giảng viên và người học. Các hoạt động dạy học khá đa dạng; diễn cứu, thảo luận nhóm và trình bày của học viên được áp dụng đối với một số học phần; các chuyên đề thực tế thể hiện được năng lực tự nghiên cứu, tự chịu trách nhiệm của học viên; việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, thái độ công việc và kỹ năng mềm được tổ chức triển khai;

5. Có văn bản quy định và hướng dẫn xây dựng và quản lý đề thi, tổ chức thi, chấm thi kết thúc học phần và được ban hành, cập nhật và công khai tới người

học qua giảng viên và hệ thống thông tin của Học viện. Công tác kiểm tra đánh giá được xây dựng để đánh giá quá trình tích lũy kiến thức và tiến độ học tập (chuyên cần, giữa kỳ, cuối kỳ, đồ án tốt nghiệp); các quy định được phổ biến đến giảng viên và người học; kết quả học tập được công bố kịp thời đến học viên; có quy trình khiếu nại và phúc khảo dễ dàng tiếp cận;

6. Các văn bản về công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ giảng viên được ban hành đầy đủ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và của Học viện. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định, quy đổi ra số giờ chuẩn theo từng vị trí, chức danh làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại giảng viên; Năng lực của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm theo các quy định; Đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn của giảng viên được thực hiện theo kế hoạch hằng năm, kế hoạch trung hạn (03 năm). Kết quả, trong chu kỳ đánh giá trung bình mỗi giảng viên đi học trên 2,93 lượt. Có quy định cụ thể về loại hình, số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên. Ngành QLKT đã đạt được các thành tích nghiên cứu khoa học như: giảng viên ngành QLKT đã chủ trì, tham gia thực hiện: 02 đề tài cấp Nhà nước; 03 đề tài cấp Bộ/tỉnh, 10 đề tài đăng ký sở hữu trí tuệ; 147 đề tài cấp Học viện; công bố được 58 bài ISI/Scopus; 06 bài trên tạp chí chuyên ngành trong nước; 14 giáo trình, 24 sách chuyên khảo; 115 bài tham luận tại hội thảo trong nước;

7. Học viện đã ban hành chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2013 - 2020 tầm nhìn năm 2030 và giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn năm 2045 và kế hoạch thực hiện chiến lược 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 trong đó có dự báo nhu cầu đội ngũ nhân viên giai đoạn 2023 - 2025. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên cơ bản đáp ứng nhu cầu của Học viện. Học viện đã ban hành các quy định, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên và phổ biến toàn trường; tổ chức thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên. Đã thực hiện việc khảo sát nhu cầu, xây dựng kế hoạch và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Triển khai đánh giá hiệu quả công việc dựa trên mô tả năng lực vị trí việc làm; nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý quy định đánh giá hiệu quả công việc và hài lòng với kết quả đánh giá;

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được xác định rõ ràng trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học cụ thể của từng đợt tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được xác định rõ ràng trong Thông báo tuyển sinh và được rà soát, đánh giá sau mỗi đợt tuyển sinh. Học viện phân công rõ trách nhiệm theo dõi sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học cho các bộ phận/cá nhân và ban hành cuốn cẩm nang “Các văn bản pháp luật về đào tạo sau đại học” giúp cho các đơn vị chủ động hơn khi triển khai thực hiện nhiệm vụ. Đoàn Thanh niên đã triển khai nhiều hoạt động chuyên môn, học thuật, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, kỹ năng mềm cho học viên. Học viện luôn quan tâm xây dựng môi trường làm việc thân thiện, điều kiện đảm bảo vệ sinh, an toàn;

9. Học viện đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng. Tổng diện tích đất sử dụng là 138.920 m² với 4 cơ sở đào tạo, diện tích sàn

xây dựng phục vụ đào tạo là 92.763 m². Tại cơ sở tại 19C Hàng Cháo sử dụng cho đào tạo trình độ thạc sĩ có diện tích đất là 940,1 m², diện tích sàn xây dựng là 3.200 m² với 16 phòng học. Các phòng học được trang bị đầy đủ màn hình cho trình chiếu, hệ thống âm thanh, điều hòa. Thư viện có sức chứa trên 500 chỗ và được trang bị hệ thống quản lý tự động theo công nghệ RFID gồm máy trả sách tự động 24/7, máy mượn trả sách tự động Selfcheck, máy photocopy, máy số hóa tài liệu, máy tính, ti vi, phần mềm quản lý Thư viện tích hợp, phần mềm tìm kiếm tập trung Primo. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và các phần mềm quản lý đáp ứng được yêu cầu cơ bản của công tác quản lý và đào tạo;

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của bên liên quan (người học, giảng viên, cựu người học, nhà sử dụng lao động) được thực hiện theo tờ trình số 17/TTr-SĐH ngày 23/01/2019, với quy trình gồm 7 bước. Học viện ban hành Quyết định số 819/QĐ-học viênTC ngày 23/7/2018 về quy trình khảo sát các bên liên quan. Thông tin phản hồi của bên liên quan được các đơn vị thu thập, xử lý và sử dụng để điều chỉnh CTĐT/chương trình dạy học. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học của Học viện thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy trình rà soát, cập nhật và đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ban hành năm 2017 và điều chỉnh năm 2021. Hoạt động dạy, học của giảng viên và đánh giá kết quả học tập của người học; chất lượng phòng học, tài liệu học tập được phản hồi thông qua các phiếu khảo sát người học sau khi học xong môn học. Một số đề tài nghiên cứu khoa học, bài báo có kết quả được sử dụng trong hoạt động dạy học;

11. Học viện xây dựng kế hoạch đào tạo theo năm học, cơ sở dữ liệu người học, sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học; Trên cơ sở dữ liệu thống kê, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng; Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của người học các CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp, dữ liệu tình hình việc làm của người học tốt nghiệp được cập nhật; Ban hành Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của người học, trong đó có xác định nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học; Thực hiện các hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của người học về các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Học viện cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Tăng cường lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt đối với nhà tuyển dụng, cựu học viên, các tổ chức quốc tế trong phát triển CTĐT; CTĐT cần thể hiện rõ hơn chiến lược phát triển; rà soát các chuẩn đầu ra đảm bảo được diễn đạt theo thang bậc Bloom, thang bậc về kỹ năng và mức tự chủ chịu trách nhiệm theo quy định của Nhà trường, xác định đầy đủ hơn mức độ đáp ứng của mỗi chuẩn đầu ra,

mỗi học phần đối với chuẩn đầu ra của CTĐT; đa dạng hoá hơn nữa các hình thức và phương pháp phổ biến mục tiêu và chuẩn đầu ra cho người học và các bên liên quan để thực hiện có hiệu quả hệ thống giáo dục theo chuẩn đầu ra (OBE); bổ sung nội dung chuẩn đầu ra liên quan đến năng lực quản lý nhà nước về chuyển đổi số và các lĩnh vực chuyên môn liên quan;

2. Bổ sung vị trí công việc cho người học sau khi tốt nghiệp trong bản mô tả CTĐT; rà soát của chuẩn đầu ra học phần đảm bảo diễn đạt phù hợp, có thể đo lường, đánh giá; xây dựng bộ công cụ hỗ trợ kiểm tra đánh giá, đảm bảo đo lường, đánh giá các chuẩn đầu ra; tổ chức khảo sát, đánh giá phản hồi của các bên liên quan về khả năng và hình thức tiếp cận với Bản mô tả CTĐT cũng như khảo sát, đánh giá sự phù hợp về nội dung, hình thức của Bản mô tả đối với nhu cầu tìm hiểu, tiếp cận thông tin của các bên liên quan;

3. Rà soát ma trận thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát đề cương chi tiết, đảm bảo sự phân nhiệm phù hợp chuẩn đầu ra của CTĐT vào các học phần; bổ sung/cập nhật các học phần/nội dung mới liên quan đến chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững phù hợp xu hướng phát triển ngành và chuyên ngành đào tạo; tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT một cách hệ thống;

4. Cần xây dựng hướng dẫn cụ thể nhằm triển khai nội hàm của mục tiêu/Triết lý giáo dục vào CTĐT và các hoạt động dạy - học; thực hiện các khảo sát về phương pháp học của người học để giúp cho giảng viên có những điều chỉnh cần thiết trong quá trình giảng dạy; chú trọng tới các hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và phương pháp giảng dạy đối với hệ đào tạo sau đại học; tổ chức các khóa đào tạo về đổi mới phương pháp giảng dạy cho giảng viên nhằm cập nhật những phương pháp và cách tiếp cận hiện đại trong giảng dạy sau đại học theo định hướng ứng dụng;

5. Xây dựng văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể về kiểm tra đánh giá đảm bảo đo lường được các chuẩn đầu ra cần đo (độ giá trị), đảm bảo độ tin cậy và tính công bằng; thực hiện phân tích phổ điểm để đánh giá độ giá trị và tin cậy của đề thi đóng góp chuẩn đầu ra của học phần; xây dựng và sử dụng các Rubrics hỗ trợ kiểm tra đánh giá và tự học của người học; xây dựng ma trận đề thi; đa dạng hoá các hình thức kiểm tra đánh giá đảm bảo đo lường, đánh giá được mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học;

6. Học viện cần phân tích nhu cầu xã hội về đào tạo, nghiên cứu khoa học của từng ngành đào tạo để xây dựng dự báo phát triển đội ngũ giảng viên cho ngành đào tạo về QLKT, đảm bảo thực hiện được tầm nhìn và sứ mạng của Học viện, xứng đáng là đơn vị có vai trò dẫn dắt; Cần xây dựng chính sách thu hút giảng viên có trình độ tạo thuận lợi cho tuyển dụng, bổ nhiệm; Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực (KPIs) cho giảng viên; Cần có hoạt động đánh giá hiệu quả sau các khóa đào tạo, bồi dưỡng để có những cải tiến chất lượng và lựa chọn nội dung cần thiết nâng cao năng lực cho giảng viên; Tăng cường hoạt động đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước của cùng ngành học để cải thiện hơn nữa hoạt động nghiên cứu khoa học đáp ứng với tầm

nhìn và sứ mạng của Học viện; Cần hoàn thiện phần mềm tổng thể trong quản lý hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cho giảng viên để giúp giám sát, đánh giá việc thực hiện công việc đáp ứng xu thế chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay;

7. Học viện nên xác định các chỉ tiêu cụ thể về các lĩnh vực hoạt động để thực hiện theo các giai đoạn cho phù hợp, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu chiến lược. Cần ban hành, bổ sung, cập nhật các văn bản để tổ chức, quản lý, điều hành tất cả hoạt động của Học viện. Nên điều chỉnh chính sách tuyển dụng, thu hút phù hợp hơn để tăng số lượng và chất lượng đội ngũ. Cần xây dựng và thực hiện quy định về khối lượng công việc cụ thể (KPIs) để quản trị, đánh giá công việc, nhân viên thông qua khối lượng công việc. Định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến các quy định, quy chế, quy trình và đánh giá chất lượng đội ngũ chuyên viên, nhân viên;

8. Học viện cần đổi mới phương thức lấy ý kiến các bên liên quan nhất là bên liên quan ngoài Học viện về chính sách và quy định về tuyển sinh, tiêu chí và phương thức xét tuyển người học nhằm thu thập đầy đủ thông tin giúp cho việc xây dựng các chính sách và quy định về tuyển sinh, tiêu chí và phương thức xét tuyển người học. Cần rà soát, điều chỉnh và ban hành sớm Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm trong đào tạo sau đại học và quy định riêng về đánh giá và quản lý người học đào tạo trình độ thạc sĩ giúp cho công tác theo dõi, giám sát sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được hiệu quả hơn. Cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa khoa sau đại học với các đơn vị có liên quan trong hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học cụ thể hơn, có cơ chế khuyến khích và tạo điều kiện cho họ tham gia đầy đủ. Cần xây dựng kế hoạch cải thiện chất lượng của phòng đọc, không gian học tập mở, nhà xe dành cho học viên tại cơ sở Hàng Cháo và hệ thống Wifi nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học. Cần thiết kế bộ câu hỏi khảo sát có đầy đủ các tiêu chí đánh giá về các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học, về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện và mở rộng đối tượng khảo sát với các bên liên quan;

9. Cần rà soát lại cách âm của các phòng học và sử dụng thêm các vật liệu cách âm cho tường giáp nhau ở các phòng học để đảm bảo yên tĩnh, nâng cao chất lượng học tập. Cần rà soát tất cả các tài liệu chính trong các đề cương chi tiết học phần đảm bảo bảo được biên soạn, lựa chọn và thẩm định theo quy định của Học viện và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cần xem xét bổ sung cả tài liệu bản cứng và cải thiện mạng internet tại Thư viện, nâng cấp hệ thống wifi tại cơ sở 19C Hàng Cháo nói riêng và toàn Học viện nói chung. Thư viện xem xét thay đổi thời gian mở cửa và mở thêm vào các ngày cuối tuần. Xem xét cải tạo hệ thống phòng cháy chữa cháy để đảm bảo an toàn;

10. Học viện cần giao cho một đơn vị đầu mối khảo sát các bên liên quan với các CTĐT và trình độ đào tạo; mở rộng phạm vi lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, chú ý lấy ý kiến của đội ngũ các chuyên gia về phát triển CTĐT từ các trường đại học khác, các viện nghiên cứu về khoa học chuyên ngành, cơ quan quản lý Nhà nước về đào tạo liên quan đến chuyên ngành làm cơ sở điều chỉnh

CTĐT/chương trình dạy học; Cần đa dạng hóa các tiêu chí đánh giá phương pháp dạy và học và phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT; Cần tăng cường các nghiên cứu khoa học liên quan đến xây dựng và phát triển CTĐT, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập; Cần điều chỉnh, bổ sung thêm nội dung trong phiếu khảo sát liên quan đến dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ người học khác; Cần có quy định rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan; làm cơ sở điều chỉnh, cải tiến cơ chế phản hồi. Các tiêu chí trong phiếu khảo sát cần được điều chỉnh định kỳ cho phù hợp với thực tế, chú ý những tiêu chí có nhiều giá trị đến kết quả khảo sát;

11. Cần quan tâm thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và khu vực có CTĐT tiên tiến tương ứng về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học; trên cơ sở đó xây dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học tham gia CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp. Học viện và Khoa cần khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ học viên tốt nghiệp đúng thời gian quy định để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp giúp người học thực hiện hiệu quả khả năng tốt nghiệp đúng thời hạn học tập. Học viện và Khoa Sau đại học cần có kế hoạch thực hiện việc đối sánh tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm cùng CTĐT với các cơ sở giáo dục trong nước và khu vực ASEAN; cần thực hiện hoạt động đối sánh về loại hình và số lượng nghiên cứu khoa học người học của Trường với CTĐT cùng ngành của các cơ sở giáo dục trong nước, sử dụng kết quả đối sánh để cải tiến chất lượng nghiên cứu khoa học của người học và CTĐT đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của các bên liên quan.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Học viện cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Quản lý kinh tế, trình độ thạc sĩ của Học viện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Học viện cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.